

Thái Nguyên, ngày 22 tháng 9 năm 2022

DANH SÁCH ĐIỂM THI

**BÀI THI 4 (A-VII): NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH
LỚP TCLLCT HỆ KHÔNG TẬP TRUNG KHÓA 12, TẠI THÀNH PHỐ PHỐ YÊN**

STT	Họ và tên	Số BD	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
01	Ngô Thị Quế Anh	01	8,0	Tám	
02	Nguyễn Thị Phương Bắc	02	7,5	Bảy rưỡi	
03	Tạ Thị Dung	03	7,5	Bảy rưỡi	
04	Tạ Thị Thu Hà	04	8,0	Tám	
05	Trịnh Thị Thu Hà	05	8,0	Tám	
06	Đào Thanh Hà	06	7,5	Bảy rưỡi	
07	Phạm Thị Thu Hà	07	7,0	Bảy	
08	Nguyễn Thị Hải	08	7,0	Bảy	
09	Đoàn Thị Thanh Hải	09	7,0	Bảy	
10	Nguyễn Hữu Hân	10	7,0	Bảy	
11	Triệu Thị Thúy Hằng	11	8,0	Tám	
12	Ngô Thị Hậu	12	8,0	Tám	
13	Nguyễn Thị Hải Hậu	13	7,0	Bảy	
14	Hà Thị Hiền	14	7,5	Bảy rưỡi	
15	Nguyễn Thuý Hiền	15	7,0	Bảy	
16	Nguyễn Thị Minh Hoa	16	7,0	Bảy	
17	Nguyễn Thị Hoài	17	7,5	Bảy rưỡi	
18	Trần Thị Thu Hoài	18	7,0	Bảy	
19	Hoàng Quốc Hoàn	19	7,0	Bảy	
20	Lăng Thị Hồng	20	7,0	Bảy	
21	Đào Thị Huệ	21	7,5	Bảy rưỡi	
22	Đỗ Huy Hùng	22	7,5	Bảy rưỡi	
23	Tạ Thị Hưng	23	7,0	Bảy	
24	Trần Thị Thu Hương	24	7,5	Bảy rưỡi	
25	Nguyễn Thị Hường	25	7,5	Bảy rưỡi	
26	Lương Thị Huyền	26	7,0	Bảy	



STT	Họ và tên	Số BD	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
27	Đặng Thị Thanh Huyền	27	7,0	Bảy	
28	Nguyễn Văn Kiên	28	7,0	Bảy	
29	Trần Thị Lan	29	7,5	Bảy rưỡi	
30	Ma Thị Lan	30	7,0	Bảy	
31	Bùi Thị Liên	31	7,0	Bảy	
32	Nguyễn Hồng Liên	32	8,0	Tám	
33	Đặng Thùy Linh	33	7,5	Bảy rưỡi	
34	Lã Văn Linh	34	7,0	Bảy	
35	Trần Thị Loan	35	7,5	Bảy rưỡi	
36	Vũ Thị Loan	36	8,0	Tám	
37	Lê Thị Lương	37	7,0	Bảy	
38	Trần Văn Mến	38	7,0	Bảy	
39	Nguyễn Thị Năm	39	7,0	Bảy	
40	Ngô Thị Nga	40	7,0	Bảy	
41	Trần Thị Thanh Nhân	41	8,0	Tám	
42	Nguyễn Thị Hồng Nhung	42	7,5	Bảy rưỡi	
43	Trần Thị Thu Nhung	43	7,5	Bảy rưỡi	
44	Hoàng Như Ninh	44	7,0	Bảy	
45	Hà Văn Phụng	45	8,0	Tám	
46	Nguyễn Thị Phương	46	7,5	Bảy rưỡi	
47	Nguyễn Thị Minh Phượng	47	7,5	Bảy rưỡi	
48	Hà Đức Phượng	48	7,0	Bảy	
49	Nguyễn Hoàng Quân	49	7,0	Bảy	
50	Phạm Quang Quý	50	7,5	Bảy rưỡi	
51	Nguyễn Thị Quynh	51	7,5	Bảy rưỡi	
52	Bùi Thị San	52	7,5	Bảy rưỡi	
53	Nguyễn Hữu Sơn	53	8,0	Tám	
54	Trần Thị Sự	54	7,5	Bảy rưỡi	
55	Đỗ Thị Thắm	55	7,0	Bảy	
56	Đỗ Kim Thanh	56	7,0	Bảy	
57	Trần Phương Thanh	57	7,0	Bảy	
58	Đinh Nhật Thành	58	7,0	Bảy	
59	Nguyễn Đình Thành	59	7,0	Bảy	
60	Hà Văn Thọ	60	7,0	Bảy	

SẢN
CỘNG
HỘI
HẢI N

[Signature]

STT	Họ và tên	Số BD	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
61	Nguyễn Thị Thơm	61	7,0	Bảy	
62	Nguyễn Thị Thu (1991)	62	8,0	Tám	
63	Nguyễn Thị Thu (1983)	63	7,5	Bảy rưỡi	
64	Vũ Thị Thanh Thu	64	8,0	Tám	
65	Đồng Thị Thủy	65	7,0	Bảy	
66	Hoàng Thị Thúy	66	7,0	Bảy	
67	Phạm Thị Kim Thúy	67	7,0	Bảy	
68	Ngô Thị Thanh Thủy	68	7,0	Bảy	
69	Phạm Thị Thủy	69	8,0	Tám	
70	Đỗ Thị Trang	70	7,0	Bảy	
71	Phạm Thị Minh Trang	71	7,0	Bảy	
72	Nguyễn Thị Trang	72	7,0	Bảy	
73	Ngô Xuân Tú	73	7,0	Bảy	
74	Dương Thị Tuyền	74	7,5	Bảy rưỡi	
75	Vũ Thị Ánh Tuyết	75	8,0	Tám	
76	Trần Thị Vân	76	8,0	Tám	
77	Nguyễn Hải Yến	77	8,0	Tám	
78	Hoàng Thị Yến	78	8,0	Tám	

KHOA LLCS
PHÓ PHỤ TRÁCH KHOA



Nguyễn Văn Tuấn

T/L HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG QLĐT&NCKH



Nguyễn Thị Hồng Mây